TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 8 - 2023
V/V: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Chính Nghĩa
Các hội thẩm nhân dân: 1.Ông Lại Văn Bảo
2. Bà Lê Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Triệu Thị T1, sinh năm 19xx; nơi thường trú: tổ x, khu L1, phường T1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: thôn Thuyền, xã Vân Nham, huyện L1, tỉnh S1 - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Phạm Hải S1, sinh năm 19xx; nơi thường trú và chỗ ở: tổ x khu L1, phường T1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và các lời khai tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn - chị Triệu Thị T1 đều trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Hải S1 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2010. Năm 2011, anh chị đăng ký kết hôn hợp pháp tai Ủy ban nhân dân phường T1 trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn, vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn, chị và anh S1 về chung sống tại gia đình chồng tại tổ 7, khu L1, phường T1, thành phố Cẩm Phả. Vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị cho rằng do vợ chồng khác nhau về lối sống, quan điểm sống. Chị và anh S1 thường xuyên to tiếng. Anh S1 là người chồng không quan tâm chăm sóc vợ con. Mâu thuẫn đã làm cho tình cảm vợ chồng dần trở nên phai nhạt và dẫn tới quan hệ giữa chị với gia đình nhà chồng cũng không tốt. Năm 2018, do mâu thuẫn vợ chồng đạt đến đỉnh điểm, chị đã dẫn cả 02 con về nhà ngoại tại Lạng Sơn để sinh sống. Bố chồng chị và anh S1 đã về nhà ngoại tại Lạng Sơn để giành giật quyền nuôi hai con chị. Vì không muốn các con bị tổn

thương nên chị phải chấp nhận cho 02 con chị quay trở lại thành phố Cẩm Phả sinh sống. Trong thời gian này, chị vẫn quan tâm đến các con, gửi tiền để anh S1 nuôi con. Đến giữa năm 2022, anh S1 đã tự nguyện đưa 02 con về nhà ngoại tại Lạng Sơn cho chị nuôi dưỡng cho đến ngày nay. Chị và anh S1 sống xa nhau và ly thân từ năm 2018, tình cảm vợ chồng không còn. Hiện tại, chị thấy tình cảm giữa chị và anh S1 đã quá căng thẳng và trầm trọng, không thể khắc phục được nữa nên chị kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh S1 .

- Về con chung: chị và anh S1 có 02 con chung: Phạm Gia H2, sinh ngày 28/11/2011 và Phạm Hồng H2, sinh ngày 15/02/2015. Từ trước đến nay, chị luôn là người trực tiếp nuôi dưỡng các con và hiện tại các con chị đều phát triển tốt, được học tập đầy đủ. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi thành niên, không yêu cầu anh S1 cấp dưỡng nuôi con. Chị khẳng định có đủ điều kiện nuôi con. Chị làm nghề tự do, thu nhập trung bình 20.000.000 đồng/ tháng. Mẹ con chị hiện đang ở cùng gia đình ngoại tại Lạng Sơn, có không gian sinh hoạt rộng rãi. Bố mẹ chị còn mạnh khỏe nên phụ giúp chị nuôi con phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần.

- Về tài sản chung và công nợ: không có.

Bị đơn - anh Phạm Hải S1 có lời khai tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị T1 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào tháng 12/2010. Đến năm 2011, anh và chị T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố Cẩm Phả. Sau lễ cưới, hai vợ chồng ở với bố anh tại tổ 7 khu L1, phường T1, thành phố Cẩm Phả. Cuộc sống chung vợ chồng diễn ra bình thường, thi thoảng chỉ xảy ra bất hòa nhỏ. Khi đó, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nhưng cả hai vợ chồng đều chăm chỉ làm việc xây dựng cuộc sống. Đến năm 2019, anh thấy chị T1 thay đổi, không quan tâm đến anh. Nếu anh có quan tâm thì chị T1 không đón nhận tình cảm của anh. Từ đó tình cảm giữa hai vợ chồng xa nhau dần. Anh buồn chán nên cũng không quan tâm tới chị T1 nữa. Vợ chồng anh sống xa nhau từ năm 2019 và cũng ly thân từ đó tới nay. Gia đình nội đã khuyên can nhưng gia đình bên ngoại không khuyên nổi chị T1 nên mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Anh thừa nhận đến nay không còn yêu thương chị T1 nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S1 luôn thay đổi quan điểm: có khi không muốn ly hôn, có khi lại đồng ý ly hôn với chị T1.

Tại phiên tòa, anh S1 khẳng định không còn tình cảm và đồng ý ly hôn với chị Triệu Thị T1.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung: Phạm Gia H2, sinh ngày 28/11/2011 và Phạm Hồng H2, sinh ngày 15/02/2015.

Bản tự khai ngày 24/5/2023 tại Tòa án thành phố Cẩm Phả, anh S1 có quan điểm: Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con Phạm Hồng H2, để chị T1 nuôi con chung Phạm Gia H2. Anh và chị T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuy nhiên, sau đó anh S1 đã thay đổi quan điểm và tại phiên tòa, anh đồng ý cho chị Triệu Thị T1 nuôi cả 02 con đến khi thành niên.

- Về tài sản chung: anh Phạm Hải S1 thừa nhận không có tài sản chung nhưng có quan điểm: chị T1 đã đi lao động nước ngoài 05 năm và anh yêu cầu chị T1 phải trả khoản tiền trong thời gian anh nuôi con, yêu cầu bồi thường thiệt

hại cho anh và chia tài sản của chị T1 cho anh; về nợ chung: anh cho rằng vợ chồng có nợ chung và cần giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2023, anh thừa nhận không đưa ra được chứng cứ chứng minh yêu cầu chia tài sản chung và công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên sau đó anh lại một lần nữa thay đổi quan điểm cho rằng cần phải chia tài sản chung, bồi thường thiệt hại và giải quyết công nợ cho anh.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả có ý kiến cho rằng: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ. Giao nhận tài liệu đúng theo trình tự pháp luật quy định; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận và đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Quyết định cho chị Triệu Thị T1 được ly hôn với anh Phạm Hải S1 và giao cả 02 con chung cho chị T1 nuôi dưỡng đến khi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn - chị Triệu Thị T1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Hải S1 địa chỉ: tổ 7, khu L1, phường T1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm phả quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Đều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: chị Triệu Thị T1 và anh Phạm Hải S1 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2010. Năm 2011, anh chị đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường T1 trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn, vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn, hai anh chị về chung sống tại gia đình chồng tại tổ 7, khu L1, phường T1, thành phố Cẩm Phả. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống bình thường, cả hai đều chí thú làm ăn nuôi con. Càng về sau, mâu thuẫn đã bắt đầu hình thành khi cả hai đều nhận ra họ không hợp nhau. Vợ chồng không có sự đồng điệu về mọi mặt trong cuộc sống. Mâu thuẫn đã làm cho tình cảm vợ chồng dần trở nên phai nhạt và dẫn tới quan hệ giữa chị T1 với gia đình nhà chồng cũng không tốt. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Chị T1 dẫn cả hai con chung về quê ngoại tại Lạng Sơn sinh sống. Có một thời gian, chị đưa hai con về cho anh S1 nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh S1 nhưng đươc một thời gian, anh S1 lại tự nguyện đưa cả hai con trở lại cho chị T1 nuôi dưỡng cho đến ngày nay.

Qua xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương nơi chị T1 và anh S1 từng sống một thời gian cũng đã xác định: vợ chồng chị T1 và anh S1 đã không còn chung sống với nhau kể từ năm 2019 đến nay. Hiện tại, chị T1 đang sinh sống, làm việc ở đâu thì khu phố cũng không nắm được vì khi ra đi, chị không thông báo cho khu phố được biết. Anh S1 vẫn ở lại ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 20m^2 cùng với bố và anh trai. Khả năng đoàn tụ của vợ chồng không còn.

Về phần anh S1, các tài liệu có tại Hồ sơ vụ án thể hiện anh cũng không còn tình cảm với chị Triệu Thị T1. Có lúc anh không muốn ly hôn với chị T1 không phải xuất phát từ mong muốn xây dựng gia đình bền vững để cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh khẳng định không còn tình cảm và đồng ý ly hôn với chị Triệu Thị T1

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T1 và anh S1 đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị T1 và anh Phạm Hải S1 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: chị Triệu Thị T1 và anh Phạm Hải S1 có 02 con chung: Phạm Gia H2, sinh ngày 28/11/2011 và Phạm Hồng H2, sinh ngày 15/02/2015. Chị T1 yêu cầu được nuôi cả 02 con chung đến khi thành niên và không yêu cầu anh S1 cấp dưỡng nuôi con. Xét quá trình nuôi con chung kể từ khi vợ chồng sống ly thân thấy rằng: Năm 2018, chị Thùy đã dẫn cả 02 con về nhà ngoại tại Lạng Sơn để sinh sống. Được một thời gian, theo yêu cầu của anh S1 nên chị phải chấp nhận cho 02 con chị quay trở lại thành phố Cẩm Phả sinh sống. Đến giữa năm 2022, anh S1 đã tự nguyện đưa 02 con về nhà ngoại tại Lạng Sơn cho chị nuôi dưỡng cho đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2023 của Tòa án và tại phiên tòa, anh S1 cũng đã đồng ý cho chị T1 nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét cả 02 con chung của chị T1, anh S1 đang sinh hoạt, học tập ổn định tại quê ngoại Lạng Sơn; mặt khác, qua xác minh thấy rằng: điều kiện của anh S1 đang sinh sống cùng bố và anh trai tại ngôi nhà có không gian eo hẹp, không đảm bảo cho sự phát triển bình thường và quyền lợi về mọi mặt của trẻ em. Quan điểm của chị T1, anh S1 phù hợp với nguyện vọng của hai con có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho chị T1 nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, chị Triệu Thị T1 cho rằng tài sản chung và công nợ không có. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống nhờ ông bà nội tại phường T1, thành phố Cẩm Phả nên không tôn tạo được gì; anh Phạm Hải S1 cũng thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2023 của Tòa án. Anh yêu cầu chị T1 phải thanh toán cho anh chi phí về việc nuôi con trong thời gian ly thân, chia tiền do chị T1 lao động mà có, bồi thường thiệt hại, giải quyết công nợ... Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh S1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào cho thấy yêu cầu của anh có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: chị Triệu Thị T1 phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 171; Điều 173; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Triệu Thị T1 đối với anh Phạm Hải S1. Chị T1 được ly hôn với anh S1.

[2] Về con chung: giao cho chị Triệu Thị T1 có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 02 con chung: Phạm Gia H2, sinh ngày 28/11/2011 và Phạm Hồng H2, sinh ngày 15/02/2015 đến khi đủ 18 tuổi; anh S1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về án phí: chị Triệu Thị T1 phải nộp 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005321 ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại chi cục Thi hành án thành phố Cẩm Phả.

[4] Về quyền kháng cáo: bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Cẩm Phả;
- THA dân sự TP Cẩm Phả;
- UBND phường T1;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Chính Nghĩa